TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐẮK LẮK	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/KDTM-PT

Ngày 23 - 01 - 2026

V/v *Tranh chấp hợp đồng thi công*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các thẩm phán: Ông Phạm Cao Gia và ông Lê Trúc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số: 07/2025/TLPT- KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thi công"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2025/KDTM-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2025/QĐPT-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T.

Người đại diện: Ông Trương Quốc H – C/v: Giám đốc. Địa chỉ: 0 P, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng N. Địa chỉ: 1 D, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV X

Người đại diện: Ông Phan Anh H1 – C/v Giám đốc. Địa chỉ: 1 P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung S. Địa chỉ: 1 N nối dài, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Mai H2 – Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H2 – Đoàn luật sư Đ. Địa chỉ: A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Trường mầm non T1. Địa chỉ: A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

+ Bệnh viện Đ1. Địa chỉ: A T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Trương Hồng H3. Địa chỉ: hẻm A Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

***- Kháng cáo, kháng nghị*:** Công ty TNHH MTV X kháng cáo; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 597/QĐ-VKS-KDTM ngày 25/7/2025 của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty T) đã thi công công trình: Dự án Trường mầm non T1 cho công ty TNHH một thành viên X (gọi tắt là Công ty X) theo hợp đồng giao khoán nhân công số 01-01/2019/HĐGK-TPH ngày 20/6/2019 và phụ lục hợp đồng số 01-06/2019/HĐGK/TPH- An Tâm; Hợp đồng kinh tế số 02/2019/HDKT-TPH-An Tâm về việc giao khoán khối lượng thi công công trình: Các hạng mục bổ sung thuộc Bệnh viện Đ1 ngày 20/6/2019 và đã hoàn thành đúng theo yêu cầu của Công ty X, đúng theo hồ sơ thiết kế KTTC đã được chủ đầu tư phê duyệt, đúng theo hệ thống quy chuẩn tiêu chuẩn của nhà nước.

Qua biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/3/2023 giữa Công ty T với Công ty X H1 thì Công ty X H1 đang còn nợ công ty của chúng tôi cá khoản gồm:

- *Số tiền của công trình mầm non Thắng Lợi là:* Giá trị hợp đồng số 01 công trình mầm non Thắng Lợi 3.295.586.000 đồng; Giá trị phụ lục hợp đồng số 01 phát sinh công trình mầm non Thắng Lợi 1.194.489.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng 4.490.075.000 đồng

Giá trị nghiệm thu xuất hóa đơn hợp đồng số 01 công trình mầm non Thắng Lợi 4.490.075.000 đồng. Đã thanh toán hợp đồng số 01 công trình mầm non Thắng Lợi 4.130.284.150 đồng. Hợp đồng số 01 công trình mầm non Thắng Lợi còn nợ 359.790.850 đồng.

- *Số tiền của công trình Bệnh viện Đ1:* Tổng giá trị hợp đồng số 02 công trình bệnh viện vùng T là 509.925.000 đồng. Giá trị nghiệm thu xuất hóa đơn hợp đồng số 02 công trình Bệnh viện vùng T là 509.925.000 đồng. Đã thanh toán hợp đồng số 02 là 400.000.000 đồng. Hợp đồng số 02 công trình Bệnh viện vùng còn nợ 109.925.000 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty X H1 đã thanh toán cho Công ty T là 4.530.284.150 đồng cho 02 công trình. **Tổng số tiền nợ của 2 công trình là 469.715.850 đồng.**

Nguyên đơn đề nghị tính lãi suất cụ thể:

- Theo hợp đồng số 01-01/2019/HĐGK-TPH ngày 20/6/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01-06/2019/HĐGK/TPH-An Tâm

+ Lãi suất 1%/tháng từ ngày 17/9/2021 đến ngày 17/01/2023 là 485 ngày trên số tiền 459.790.850 đồng là 74.300.000 đồng

+ Lãi suất 1%/tháng từ ngày 18/01/2023 đến ngày 11/6/2025 là 873 ngày trên số tiền 359.790.850 đồng là 104.699.000 đồng.

- Theo hợp đồng số 02/2019/HDKT-TPH-An Tâm với mức lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày 13/12/2019 đến 11/6/2025 là 73.393.000 đồng

Tổng số tiền lãi là: 252.392.000 đồng

Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty X H1 phải thanh toán số tiền nợ cho Công ty T là 722.107.850 đồng

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ngày 20/6/2019 Công ty X và Công ty T có ký kết 02 hợp đồng thi công các công trình xây dựng cụ thể:

Hợp đồng giao khoán nhân công số 01-06/2019/HĐGK/TPH- A ký ngày 20/6/2019. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty T là đơn vị nhận thi công xây lắp công trình Trường mầm non T1. Công trình Trường T1 do Công ty X H1 trúng thầu làm chủ thầu xây dựng. Giá trị công trình là 3.295.586.000 đồng.Thời gian thi công là 120 ngày

Hợp đồng kinh tế số 02/2019/HDKT-TPH-An Tâm ký ngày 20/6/2019. Theo nội dung của hợp đồng, Công ty T là đơn vị nhận thi công xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc Bệnh viện Đ2 Công ty X trúng thầu làm chủ thầu xây dựng. Giá trị thi công công trình là 469.625.000 đồng. Thời gian thi công là 120 ngày.

Trong thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 01/2023 Công ty X H1 đã thanh toán cho Công ty T số tiền 4.530.284.150 đồng cho 02 công trình, do thời điểm đó chưa đối chiếu với khối lượng công trình nhưng phía bị đơn vẫn thanh toán tiền nhiều hơn giá trị của hợp đồng (Công ty X xác định đây chỉ là lời trình bày và không yêu cầu giải quyết gì đối với số tiền này).

Theo phụ lục hợp đồng số 01-06/2019/HĐGK/TPH- A. Hợp đồng này được hai bên ký kết nhằm hợp thức hóa số tiền xuất hóa đơn mà bên Công ty T phải chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất hóa đơn bán hàng nên Hợp đồng không ghi ngày tháng cụ thể. Trên thực tế giữa Công ty T và Công ty X không có thỏa thuận về việc thi công cổng tường rào, nhà vệ sinh sân vườn, hạ tầng cấp thoát nước theo bản vẽ đối với công trình Trường T1 cũng như Công ty T không trực tiếp thi công các hạng mục này. Việc này thể hiện trong hồ sơ thi công công trình không có khối lượng công việc thể hiện Công ty T đã thi công cổng tường rào, nhà vệ sinh sân vườn, hạ tầng cấp thoát nước theo bản vẽ đối với công trình Trường T1. Các hạng mục trên được Công ty X H1 thuê người khác thi công chứ công phải Công ty T.

Đối với công trình Trường T1, sau khi thi công xong công trình, giữa Công ty T và Công ty X chưa có sự thống nhất về khối lượng công việc cũng như số tiền

tương đương công việc đó, giữa các bên chưa có biên bản đối chiếu công nợ thể hiện Công ty X còn nợ Công ty T là bao nhiêu. Nên việc Công ty T yêu cầu Công ty X H1 trả số tiền 395.790.850 đồng và lãi suất là không có cơ sở thực tế.

Đối với công trình thi công một số hạng mục bổ sung của Bệnh viện Đ1 thì Công ty X H1 đã thanh toán đầy đủ số tiền 469.625.000 đồng cho Công ty T nhưng Công ty T tự thống kê số liệu xác định Công ty X H1 còn nợ số tiền 109.925.000 đồng là không có cơ sở.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên phía bị đơn đề nghị Tòa án tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Hồng H3 trình bày:

Năm 2019 tôi có ký hợp đồng thi công công trình Trường mầm non T1 với Công ty TNHH MTV X, giá trị hợp đồng là 200.000.000 đồng. Nội dung công việc là làm hàng rào, bể phòng cháy chữa cháy, mương nước, sân trường. Tôi đã làm xong hợp đồng thi công. Hiện nay hợp đồng thi công tôi không còn lưu trữ nên không cung cấp được cho Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2025/KDTM-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền 722.140.850 đồng *(Bảy trăm hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo, kháng nghị:**

- Ngày 08/7/2025 bị đơn Công ty TNHH MTV X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản ánsơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quyết định kháng nghị số 597/QĐ-VKS-KDTM ngày 25/7/2025 của VKSND tỉnh Đắk Lắk đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định kháng nghị

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 597/QĐ-VKS-KDTM ngày 25/7/2025 của VKSND tỉnh Đắk Lắk, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH MTV X kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị đúng thẩm quyền và trong thời hạn luật định, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại mục 4.2 Điều 4 Hợp đồng giao khoán nhân công số 01-06/2019/ HDGK/TPIH- An Tâm ngày 20/6/2019 số 01-06/2019/HDGK/TPH- An Tâm ngày 20/6/2019 đối với công trình Trường mầm non T1 quy định về hồ sơ thanh toán và quyết toán công trình gồm: *"Bảng thanh toán có xác nhận của Chỉ huy trưởng công trình; Biên bản nghiệm thu của A, B. Hóa đơn GTGT hợp lệ;"*.

Bị đơn cho rằng phụ lục hợp đồng được lập nhằm hợp thức hóa việc xuất hóa đơn, không phản ánh đúng thực tế thi công. Nội dung này phù hợp với lời khai của

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Hồng H3 – người xác nhận đã trực tiếp thi công các hạng mục cổng, hàng rào, sân trường, mương nước, bể phòng cháy chữa cháy cho công trình Trường mầm non T1. Nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh mình trực tiếp thi công các hạng mục ghi nhận trong phụ lục hợp đồng, trong khi hồ sơ thi công công trình cũng không thể hiện khối lượng thi công do nguyên đơn thực hiện đối với các hạng mục này. Bị đơn cũng cấp biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/3/2023 do nguyên đơn cung cấp không có chữ ký xác nhận của bị đơn, không thể hiện sự thừa nhận nghĩa vụ trả nợ của bị đơn, nên không có giá trị pháp lý ràng buộc đối với bị đơn. Hóa đơn giá trị gia tăng chỉ là chứng từ kế toán, không phải là chứng cứ duy nhất chứng minh việc đã thực hiện xong nghĩa vụ thi công. Việc bị đơn nhận hóa đơn và thực hiện thanh toán một phần không đồng nghĩa với việc thừa nhận toàn bộ giá trị khối lượng thi công như nguyên đơn yêu cầu.

Do nguyên đơn không chứng minh được việc đã thi công các hạng mục theo phụ lục hợp đồng số 01-06/2019/HĐGK/TPH- A, không cung cấp được hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu đối với các hạng mục theo phụ lục hợp đồng nên không có căn cứ buộc Công ty X H1 phải thanh toán số tiền 1.194.489.000₫ theo Phụ lục đã ký kết và hóa đơn đã xuất.

Như vậy, số tiền Công ty X có nghĩa vụ thanh toán cho cả hai Hợp đồng đã ký kết với Công ty T là 3.805.511.000đ. Các bên thừa nhận Công ty X H1 đã chuyển tiền thanh toán cho Công ty T với tổng số tiền của cả hai hợp dồng là: 4.530.284.150đ, nhiều hơn giá trị của hợp đồng đã thực hiện nên Bản án sơ thẩm xác định Công ty X còn nợ Công ty T số tiền 469.715.850đ là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí KDTM sơ thẩm và chi phí tố tụng: Vì sửa bản án sơ thẩm nên cần xác định lại phần án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng.

- Về chí phí tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (đã chi phí xong).

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.884.000 đồng.

[4] Về án phí KDTM phúc thẩm: Vì được chấp nhận kháng cáo nên nguyên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV X.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 597/QĐ-VKS-KDTM ngày 25/7/2025 của VKSND tỉnh Đắk Lắk.

- Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2025/KDTM-ST ngày 26/6/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T về buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T số tiền 722.107.850 đồng *(Bảy trăm hai mươi hai triệu một trăm lẻ bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng)*

- Về chí phí tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (đã chi phí xong).

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.884.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 14.054.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001403 ngày 08/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Phòng THADS khu vực 1 – Đắk Lắk), Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn phải nộp 18.830.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Về án phí kinh doanh thương phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X không phải chịu án phí kinh doanh thương phúc thẩm, được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000329 ngày 16/10/2024 và biên lai số 0013806 ngày 14/7/2025 của THADS tỉnh Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang